

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017 /DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2017
V/V: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Môn;

2, Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hán - Kiểm sát viên.

Trong Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2016/TLST-DS Ngày 25 tháng 11 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST Ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số A, đường L, phường T, TP. B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Bị đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1973

Địa chỉ: số nhà B, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số A, đường L, phường T, TP. B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971

Địa chỉ: số nhà B, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà và bà T quen biết nhau do cùng bán hàng tại chợ Thương. Quá trình làm ăn bà có cho bà T vay tiền nhiều lần, những lần vay trước bà T đều thanh toán và trả nợ bà xong. Khi bà cho bà T vay tiền, bà T có viết giấy vay tiền, ký vào giấy vay tiền, viết duy nhất một bản bà là người giữ giấy. Khi nào bà T thanh toán trả nợ hết cho bà thì bà trả lại giấy vay tiền gốc cho bà T. Nội dung giấy vay tiền bà T ghi số tiền vay, không ghi thời hạn thanh toán cụ thể, thỏa thuận khi nào bà cần tiền, bà T có trách nhiệm trả bà, không ghi lãi suất, nhưng bà và bà T có thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng qui định. Từ khi viết giấy vay, hàng tháng bà T chưa trả bà được đồng tiền lãi nào. Bà T đã trả cho bà được số tiền 81.000.000 đồng tiền gốc, khi trả tiền bà là người phải ký vào sổ của bà T, sổ này bà T là người giữ.

Từ khi viết giấy vay tiền, bà có đến đòi bà T nhiều lần, nhưng bà T đều trốn không trả tiền cho bà. Khi vay tiền bà T nói với bà là vay tiền để kinh doanh, những lần trả tiền cho bà đều do chồng bà T là ông Nguyễn Thanh P trả. Nay bà yêu cầu bà T và ông P phải có trách nhiệm trả bà số tiền nợ gốc là 69.000.000 và tiền lãi tính từ ngày vay 28/12/2012, theo lãi suất qui định. Số tiền bà cho bà T vay là tiền của vợ chồng bà, khi bà cho bà T vay bà có nói cho chồng bà biết.

Tòa án có thông báo cho bà biết nội dung bản tự khai của bà T và tài liệu bà T cung cấp cho Tòa án. Bà T có khai về lãi suất là 3.000đồng/1 triệu/1 Ngày và tiền lãi bà T đã trả cho bà 11 tháng, số tiền lãi bà T đã trả cho bà là 148.500.000 đồng, bà T khai như vậy là không đúng vì khi bà T trả tiền cho bà, bà T đều bắt bà ký vào sổ của bà T giữ, kể cả khi bà T trả cho bà một triệu bà đều phải ký vào sổ của bà T, bà không đồng ý với việc bà T trình bày như vậy. Bà T có cung cấp cho Tòa án từng mã bà T trả tiền cho bà, những lần trả tiền ông P là chồng bà T trả, còn chồng bà là ông H ký nhận. Tổng số tiền bà T đã trả được cho bà là 81.000.000 đồng, bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà T, ông P phải trả cho bà tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản ngân hàng quy định tại thời điểm bà cho bà T vay tiền, còn số tiền bà T đã trả cho bà, bà đề nghị trừ vào tiền lãi. Khi cho vay bà và bà T thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng, thời điểm vay lãi suất theo Ngân hàng là 22%/năm. Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện vì bà T không có thiện trí trả tiền cho bà. Giấy vay tiền bà T viết Ngày 28/12/2012 (Âm lịch), theo Ngày dương lịch là Ngày 08/02/2013, bà yêu cầu tiền lãi tính từ Ngày dương lịch là Ngày 08/02/2013. Còn lại những Ngày bà T trả tiền cho bà là Ngày dương lịch, bà không có ý kiến gì.

+ Tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà và bà Phạm Thị N quen biết nhau do cùng bán hàng tại chợ Thương, do cần vay thêm vốn để mở rộng việc kinh doanh buôn bán nên Ngày 28/12/2012 bà có vay của bà N 150.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy biên nhận, mục đích vay là để mở rộng việc kinh doanh buôn bán hàng vải của bà tại chợ Thương, trong giấy vay tiền không thể hiện về lãi suất nhưng bà và bà N có thỏa thuận lãi suất là 3.000đồng/1 triệu/1 Ngày (9%/tháng).

Kể từ Ngày vay, hàng tháng bà đều trả lãi cho bà N theo đúng như cam kết, mỗi tháng bà trả 13.500.000 đồng tiền lãi. Bà bắt đầu trả lãi cho bà N từ tháng 01/2013, đến Ngày 26/11/2013 bà đã trả cho bà N 148.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Khi bà trả lãi cho bà N, bà không viết giấy tờ biên nhận gì, cũng không có ai chứng kiến nên bà không thể cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh những gì bà trình bày ở trên.

Do công việc làm ăn của bà gặp nhiều khó khăn nên bà không thể tiếp tục trả lãi cho bà N, từ Ngày 26/11/2013, bà đã trả cho bà N 81.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể: Ngày 26/11/2013 trả bà 20.000.000 đồng; Ngày 27/12/2013 trả 10.000.000 đồng; Ngày 30/01/2014 trả 10.000.000 đồng; Ngày 28/02/2014 trả 10.000.000 đồng; Ngày 25/3/2014 trả 10.000.000 đồng; Ngày 25/4/2014 trả 10.000.000 đồng; Ngày 24/4/2015 trả 10.000.000 đồng và Ngày 30/9/2015 trả 1.000.000 đồng.

Trong các biên nhận bà gửi đến Tòa án thể hiện người trả nợ là ông Nguyễn Thanh P- chồng bà. Bà có ý kiến như sau: Việc bà vay nợ bà N là việc làm ăn kinh doanh của cá nhân bà, không liên quan gì đến chồng bà nhưng do nhiều lần bà N đến nhà bà đòi tiền nên chồng bà có lấy tiền để trả thay cho bà không phải do đây là khoản vay chung của cả hai vợ chồng mà ông P phải có trách nhiệm cùng trả. Bà khẳng định, việc vay nợ là hoàn toàn của riêng cá nhân bà, không liên quan gì đến chồng bà, từ thời điểm bà vay tiền bà N cho đến bây giờ, vợ chồng bà đã ly thân nên ông P không hề biết các công việc làm ăn của bà cũng như các khoản vay của cá nhân bà.

Bà N trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất Ngân hàng là 22%/năm là không đúng, bà không đồng ý như ý kiến của bà N là trừ số tiền bà đã trả vào tiền lãi. Bà đề nghị trừ số tiền bà đã trả được 81.000.000 đồng vào tiền gốc, bà đồng ý trả cho bà N số tiền gốc là 69.000.000 đồng, bà không đồng ý trả lãi, bà sẽ trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ngày viết giấy vay là Ngày âm lịch, còn những lần bà trả tiền cho bà N là Ngày dương lịch

+ Tại bản tự khai ông Hoàng Văn H trình bày: Ông là chồng bà N, việc bà N cho bà T vay tiền ông có biết, khi bà T không trả được tiền ông có đến đòi bà T nhiều lần. Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N. Do ông bận công việc, ông đề nghị vắng mặt và nhất trí ý kiến của bà N.

+ Tại đơn trình bày Ngày 19/3/2017 ông Nguyễn Thanh P trình bày: Bà N cho bà T là vợ ông vay số tiền 150.000.000 đồng là việc cá nhân giữa bà T và bà N. Sau khi vay tiền do bà N nhiều lần thuê xã hội đen đến nhà ông đe dọa tinh thần ông và các con ông, do vậy ông đã đứng ra vay mượn và trả hộ bà T cho bà N số tiền gốc 81.000.000 đồng. Hiện nay do giữa ông và bà T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên đã ly thân, do vậy ông không có trách nhiệm gì đối với số nợ của bà T.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

+ Ngày 12/5/2017, Tòa án mở phiên tòa, nhưng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

+ Ngày 02/6/2017, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà T, ông P phải trả cho bà N số tiền gốc 69.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định của pháp luật. Bà T, ông P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông H, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân T phố B xét xử vắng mặt ông H, ông P là phù hợp với quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị N và bà Lê Thị Kim T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân T phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Theo như giấy vay tiền thể hiện bà T có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng. Bà N đòi nhiều lần bà T trả được 81.000.000 đồng và hẹn đến Ngày 13/7/2016 thì trả. Ngày 24/11/2016 bà N nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị N yêu cầu bà Lê Thị Kim T trả số tiền gốc còn nợ là 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền Ngày 28/12/2012 thì thấy: Theo như giấy biên nhận vay tiền và trình bày của các đương sự đều thống nhất bà T có vay của bà N số tiền 150.000.000 đồng, bà T đã trả cho bà N được 81.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận trả lãi, khi trả tiền chỉ ghi là trả nợ không nói gì là tiền gốc hay tiền lãi. Theo như đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án bà N đều thừa nhận bà T đã trả được 81.000.000 đồng tiền gốc, quá trình làm việc tại Tòa án, các bên đều không tranh chấp gì về số tiền đã trả. Vì vậy số tiền 81.000.000 đồng bà T đã trả là tiền gốc. Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu này vượt quá yêu cầu ban đầu, không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần buộc bà T phải trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 69.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Đối với số tiền lãi bà N yêu cầu bà T phải trả lãi theo lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm vay, thời gian tính lãi từ Ngày vay 28/12/2012 (âm lịch) tức Ngày 08/02/2013 (dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm thì thấy: Khi viết giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, bà T cho rằng lãi suất là 3.000 đ/1 triệu/1 Ngày, bà N cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 22%/năm theo lãi suất của Ngân hàng thời điểm vay. Các bên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, do vậy cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định để xem xét là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà N yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm viết giấy vay. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN Ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước công bố lãi suất cơ bản là $9\%/1 \text{ năm} = 0.75\%/tháng = 0.025\%/Ngày$, .

+ Từ Ngày bà T viết giấy vay tiền của bà N là Ngày 28/12/2012 (âm lịch) tức Ngày 08/02/2013 (dương lịch) đến Ngày 25/11/2013 là 09 tháng 18 Ngày. Tiền lãi được tính $(150.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 09 \text{ tháng}) + (150.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 18 \text{ Ngày}) = 10.800.000 \text{ đồng}$;

+ Ngày 26/11/2013 bà T trả được 20.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 26/11/2013 đến Ngày 26/12/2013 là 01 tháng. Tiền lãi được tính: $130.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 01 \text{ tháng} = 975.000 \text{ đồng}$

+ Ngày 27/12/2013 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 120.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 27/12/2013 đến Ngày 29/01/2014 là 01 tháng 02 Ngày. Tiền lãi được tính: $(120.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 01 \text{ tháng}) + (120.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 02 \text{ Ngày}) = 960.000 \text{ đồng}$.

+ Ngày 30/01/2014 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 110.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 30/01/2014 đến Ngày 27/02/2014 là 28 Ngày. Tiền lãi được tính: $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 28 \text{ Ngày}) = 770.000 \text{ đồng}$.

+ Ngày 28/02/2014 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 28/02/2014 đến Ngày 24/3/2014 là 24 Ngày. Tiền lãi được tính: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 24 \text{ Ngày} = 600.000 \text{ đồng}$.

+ Ngày 25/03/2014 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 90.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 25/03/2014 đến Ngày 24/4/2014 là 01 tháng 01 Ngày. Tiền lãi được tính: $(90.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 01 \text{ tháng}) + (90.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 01 \text{ Ngày}) = 697.500 \text{ đồng}$.

+ Ngày 25/4/2014 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 80.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 25/4/2014 đến Ngày 23/4/2015 là 11 tháng 28 Ngày. Tiền lãi được tính: $(80.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 11 \text{ tháng}) + (80.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 28 \text{ Ngày}) = 7.160.000 \text{ đồng}$.

+ Ngày 24/4/2015 bà T trả được 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 70.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 24/4/2015 đến Ngày 29/9/2015 là 05 tháng 06 Ngày. Tiền lãi được tính: $(70.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 05 \text{ tháng}) + (70.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 06 \text{ Ngày}) = 2.730.000 \text{ đồng}$

+ Ngày 30/9/2015 bà T trả được 1.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ 69.000.000 đồng, tiền lãi tính từ Ngày 30/9/2015 đến Ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2017

là 01 năm 09 tháng. Tiền lãi được tính: $(69.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 01 \text{ năm})$
 $(69.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 09 \text{ tháng}) = 10.867.500 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi là 35.560.000 đồng

Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 104.560.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 69.000.000 đồng, tiền lãi là 35.560.000 đồng.

[5]. Đối với ý của đại diện Viện kiểm sát T phố B và yêu cầu của bà N buộc ông P là chồng bà T phải có trách nhiệm trả số tiền bà T vay thì thấy: Theo như giấy vay tiền Ngày 28/12/2012 không thể hiện bà T vay tiền để làm gì, trong giấy vay chỉ có chữ ký của bà T, không có chữ ký của ông P. Ông P trình bày là việc bà T vay tiền của bà N là cá nhân bà T không liên quan gì tới ông, do bà N thuê xã hội đen đến nhà ông, ông sợ ảnh hưởng đến con cái, nên ông đã trả hộ tiền bà T. Bà T cũng trình bày rõ số tiền bà vay bà N là cá nhân bà không liên quan đến ông P, nên không có căn cứ buộc ông P là chồng bà T phải có nghĩa vụ cùng thanh toán trả cho bà N số tiền bà T vay, do vậy đề nghị của Viện kiểm sát T phố B và yêu cầu của bà N là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Số tiền bà T vay của bà N là tiền chung của bà N và ông H, do vậy cần buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà N và ông H số tiền gốc và lãi là phù hợp.

[7]. Về án phí: Yêu cầu của bà N được chấp nhận, do vậy bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227 Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bà Lê Thị Kim T phải trả cho bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn H số tiền 104.560.000 đồng (Một trăm linh tư triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 69.000.000 đồng, tiền lãi là 35.560.000 đồng

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 5.228.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả bà Phạm Thị N số tiền 1.760.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/05767, Ngày 25 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự T phố B.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngày kể từ Ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo